TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-PT
Ngày: 12/01/2023
V/v "Tranh chấp về quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng

Các thẩm phán: ông Đặng Văn Ý

ông Đỗ Đình Thanh

***- Thư ký phiên toà*:** ông Lê Văn Duẩn, Thư ký Toà án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** bà Phạm Thị Thanh Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 470/2021/TLPT-DS ngày 20/10/2021 về việc *"Tranh chấp về quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt";*

Do bản án dân sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 29/04/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3205/2022/QĐ-PT ngày 15/12/2022, giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Nh H 2, xã Đ H T, huyện Đ H, tỉnh Long An.

2/Bị đơn:

2.1/Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965 (có mặt);

2/Ông Lâm Minh D, sinh năm 1977 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Nh H 2, xã Đ H T, huyện Đ H, tỉnh Long An.

3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ H, tỉnh Long An.

Địa chỉ: Ô 7, khu B, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đ H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của UBND huyện Đ H, tỉnh Long An:

Ông Lê Trường Ch, là Chủ tịch UBND huyện Đ H (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Đ H, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 24/03/2020):

Bà Nguyễn Thị Bé B, là chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ H (vắng mặt).

3.2/Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968 (có mặt);

3.3/Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 2001 (vắng mặt do đương sự có văn bản ghi ngày 10/01/2023 yêu cầu xét xử vắng mặt);

3.4/Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Đ, sinh năm 1999 (vắng mặt do đương sự có văn bản ghi ngày 10/01/2023 yêu cầu xét xử vắng mặt);

3.5/Ông Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1997 (vắng mặt do đương sự có văn bản ghi ngày 10/01/2023 yêu cầu xét xử vắng mặt);

3.6/Bà Nguyễn Thị Ni, sinh năm 1974 (vắng mặt);

3.7/Ông Lâm Nguyễn Hải L, sinh năm 2001 (vắng mặt);

3.8/Lâm Nguyễn Hải Y, sinh năm 2012 (vắng mặt);

3.9/Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ (văn bản ủy quyền ghi ngày 16/09/2020):

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968 (có mặt);

3.10/Bà Trần Thị L, sinh năm 1935 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Lánh (văn bản ủy quyền ghi ngày 10/03/2021):

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Nh H 2, xã Đ H T, huyện Đ H,

tỉnh Long An.

4/Người kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn N, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Vào ngày 04/02/1998, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ H, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ) số L 482565 cho

ông Nhỏ đối với thửa đất số 165, 172, 173 và 232, tổng diện tích là 3.619 m^2, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Nh H 2, xã Đ H T, huyện Đ H.

Các thửa đất nói ở trên, là của ông Lâm Văn Đắng (là ông nội của ông Nhỏ và cũng là ông ngoại của ông Dương, ông Hân); khi ông Đắng chết, chết để lại đất cho ông Lâm Văn Nguyên (là người con thứ út của ông Đắng và là người cha ruột của ông Nhỏ).

Trước đó, vợ-chồng ông Lâm Văn Nguyên-bà Trần Thị Lánh sống chung nhà với ông Đắng. Đến năm 1968, ông Nguyên chết; sau đó, bà Lánh cùng với những anh, chị của ông Nhỏ, trở về bên nhà ông-bà ngoại để sinh sống; còn căn nhà của ông-bà nội, sau đó cũng bị cháy, không còn nữa. Vào lúc này, bà Lâm Thị Phê (là người mẹ ruột của ông Hân và ông Dương) trở về, xây cất căn nhà tranh trên phần đất nói trên, để ở và quản lý, sử dụng các thửa đất này, cho đến khi bà Phê chết.

Khi bà Phê còn sống, gia tộc đã họp lại, phân chia các thửa đất nói trên cho ông Nhỏ, để thờ cúng ông-bà; việc phân chia chỉ bằng lời nói, không lập văn bản. Sau đó, ông Nhỏ kê khai, đăng ký và được cấp giấy CNQSDĐ.

Về "Tờ tương phân đất" lập ngày 13/07/2008 (do ông Dương và ông Hân xuất trình), thể hiện rằng ông Hân và ông Dương, mỗi người được quản lý, sử dụng khu đất có chiều ngang 18 m x chiều dài hết đất, phần còn lại là của ông Nhỏ (có vẽ sơ đồ kèm theo), đây là tài liệu giả mạo chữ ký của ông Nhỏ.

Hiện nay, ngoài nhà ở thì ông Hân và ông Dương đã xây hàng rào bao quanh diện tích đất của mỗi người như nội dung của "Tờ tương phân đất" và được thể hiện trong mảnh trích đo địa chính số 641-2019 do công ty TNHH Đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Đ H duyệt ngày 12/11/2019 (gọi là mảnh trích đo ngày 12/11/2019), ông Hân đang quản lý và sử dụng trọn thửa 232, diện tích 332,4 m^2 và một phần thửa 172, diện tích 812,4 m^2 (số thứ tự 6 và 7); ông Dương đang quản lý, sử dụng một phần thửa 173 diện tích 370,7 m^2 và một phần thửa 172, diện tích 791,1 m^2 (số thứ tự 4 và 5).

Ông Nhỏ chỉ đồng ý như sau: ông Hân được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng đất tại các khu B1, B2, B3, B4, B5 và B6 có tổng diện tích đất là 420,5 m^2; ông Dương được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng đất tại các khu A1, A2 và A3 có tổng diện tích đất là 420,9 m^2. Đối với diện tích đất còn lại, yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: buộc ông Hân trả lại đất tại khu D có diện tích 691,2 m^2

thuộc một phần thửa 172 và khu C có diện tích 129 m^2 thuộc một phần thửa 232; buộc ông Dương trả lại khu E có diện tích 645 m^2, thuộc một phần thửa 172. (theo mảnh trích đo ngày 19/12/2020 do công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập).

Bị đơn ông Lâm Minh D, ông Nguyễn Văn H cùng trình bày ý kiến và yêu cầu phản tố, như sau:

Nguồn gốc các thửa đất số 165, 172, 173 và 232 nói trên là của ông-bà ngoại của ông Hân và ông Dương (và cũng là ông-bà nội của Nhỏ) để lại, không phân chia cho cha của ông Nhỏ. Các thửa đất này, do bà Phê (là mẹ ruột của ông Hân và ông Dương) trực tiếp canh tác và quản lý từ năm 1968 cho đến khi bà Phê chết vào năm 1995; trên đất có nhà ở của bà Phê; ông Hân và ông Dương cùng ở đó với bà Phê.

Năm 1995, bà Phê chết. Ông Hân và ông Dương đi nơi khác, căn nhà vẫn ở đó. Vào năm 2007, ông Hân và ông Dương trở về, xây cất lại nhà để ở cho đến nay. Nhà của ông Dương xây trên nền cũ của nhà của bà Phê; nhà của ông Hân là nhà tình thương, do địa phương xây dựng vì ông Hân có hoàn cảnh khó khăn, rồi sau đó xây lại nhà mới như hiện nay. Vào năm 2008, ông Nhỏ mới xây cất nhà ở trên đất cho đến nay.

Khi ông Dương, ông Hân xây cất nhà ở, không có ai tranh chấp. Sau đó, ông Hân và ông Dương mới biết rằng ông Nhỏ là người đứng tên chủ sử dụng đất. Vì vậy, ông Dương và ông Hân yêu cầu ông Nhỏ làm thủ tục tách thửa đất theo đúng diện tích phân chia tại "Tờ tương phân đất" ngày 13/07/2008. Vì ông Nhỏ không đồng ý, nên ông Hân và ông Dương khởi kiện vụ án hành chính, nhưng hết thời hiệu khởi kiện.

Ông Hân và ông Dương không đồng với yêu cầu khởi kiện của ông Nhỏ. Ông Hân và ông Dương cùng có yêu cầu phản tố, cụ thể như sau: yêu cầu hủy một phần của giấy CNQSDĐ do UBND huyện Đ H đã cấp cho ông Nhỏ, tương ứng với phần diện tích đất mà hiện nay ông Hân và ông Dương đang quản lý, sử dụng theo mảnh trích đo ngày 12/11/2019; công nhận quyền sử dụng đất theo diện tích thực tế mà ông Hân và ông Dương đang quản lý, sử dụng.

Những người có quyền lợi, nghĩa liên quan trình bày ý kiến như sau:

-Ý kiến của ông Nhỏ, với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Lánh và bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ: bà Lánh (là mẹ ruột của ông Nhỏ) và bà Lệ (là vợ của ông Nhỏ) cùng có ý kiến giống như ý kiến của của ông Nhỏ.

-Ý kiến của bà Nguyễn Thị Đào: bà Đào là vợ của ông Hân, đồng ý với ý kiến của ông Hân.

-Ý kiến của bà Nguyễn Thị Ngời: bà Ngời (là vợ của ông Dương), đồng ý với ý kiến của ông Dương.

-Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Đ H (trình bày tại văn bản số 9341/UBND-NC ngày 29/07/2020) như sau: UBND huyện Đ H cấp giấy CNQSDĐ cho ông Nhỏ dựa trên hồ sơ xét duyệt của Hội đồng đăng ký xét cấp giấy CNQSDĐ; việc cấp giấy CNQSDĐ cho ông Nhỏ là cấp đại trà, không kiểm tra hiện trạng, không đo đạc thực tế, chỉ dựa vào bản đồ địa chính do UBND xã Đ H T, huyện Đ H quản lý.

-Các ông bà Nguyễn Hoàng Quân, Nguyễn Hoàng Anh và Nguyễn Hoàng Ngọc Đời (là con ruột của ông Hân với bà Đào) cùng có ý kiến như ý kiến của ông Hân và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

-Ông Lâm Nguyễn Hải Long (là con ruột của ông Dương) đồng ý với ý kiến của ông Dương và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 29/04/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã xét xử như sau:

1/Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa:

-Ông Nguyễn Văn N với ông Nguyễn Văn H, đất tại khu D có diện tích 691,2 m^2 thuộc một phần thửa 172 và khu C có diện tích 129 m^2 thuộc một phần thửa 232;

-Ông Nguyễn Văn N với ông Lâm Minh D, đất tại khu E có diện tích 645 m^2 thuộc một phần thửa 172.

Tất cả các khu đất D, C và E được thể hiện tại mảnh trích đo ngày 19/12/2020 do công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập.

2/Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Lâm Minh D và ông Nguyễn Văn H đối với ông Nguyễn Văn N, về việc:

-Hủy một phần của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 482565 do Ủy ban nhân dân huyện Đ H cấp ngày 04/02/1998 cho ông Nguyễn Văn N đứng tên diện tích đất gồm:

+Thửa 232 diện tích 332,4 m^2 và một phần của thửa 172, diện tích 812,4m^2 (số thứ tự 6 và 7) do ông Nguyễn Văn H đang quản lý, sử dụng;

+Một phần thửa 173 diện tích 370,7 m^2 và một phần thửa 172 diện tích 791,1 m^2 (số thứ tự 4 và 5) do ông Lâm Minh D đang quản lý sử dụng.

-Công nhận quyền sử dụng đất cho:

+Ông Nguyễn Văn H diện tích đất gồm: thửa 232, diện tích 332,4 m^2 và một phần của thửa 172, diện tích 812,4 m^2 (số thứ tự 6 và 7);

+Ông Lâm Minh D diện tích đất gồm: một phần của thửa 173 diện tích 370,7 m^2 và một phần của thửa 172 diện tích 791,1 m^2 (số thứ tự 4 và 5).

3/Ông Lâm Minh D và ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (công văn số 4020/UBND-NC ngày 23/04/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Đ H, thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án của Tòa án tuyên đã có hiệu lực pháp luật), cụ thể:

-Ông Nguyễn Văn H gồm: thửa 232, diện tích 332,4 m^2 và một phần của thửa 172, diện tích 812,4 m^2 (số thứ tự 6 và 7);

-Ông Lâm Minh D gồm: một phần của thửa 173 diện tích 370,7 m^2 và một phần của thửa 172 diện tích 791,1 m^2 (số thứ tự 4 và 5);

4/Tất cả các vị trí đất có số thứ tự 4, 5, 6, 7 thể hiện tại mảnh trích đo địa chính số 641-2019 do công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Đ H duyệt ngày 12/11/2019; tất cả các thửa đất số 232, 172 và 173 thuộc tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại ấp Nh H 2, xã Đ H T, huyện Đ H, tỉnh Long An.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vào ngày 10/05/2021, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến như sau:

-Ông Nguyễn Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nói trên;

-Ông Nguyễn Văn H và ông Lâm Minh D yêu cầu Tòa án không chấp nhận kháng cáo của ông Nhỏ, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

-Các đương sự khác vắng mặt đến lần thứ hai, nhưng không có ý kiến nào khác với những ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến như sau:

-Về thủ tục tố tụng: Tòa án các cấp và đương sự thực hiện đúng thủ tục tố tụng;

-Về nội dung giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án dựa trên chứng cứ là "Tờ tương phân đất" lập vào ngày 13/07/2008 giữa các thành viên trong gia đình của các bên đương sự. Mặc dù văn bản này không có sự chứng nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng trong thực tế, các đương sự đã quản lý, sử dụng đất ổn định theo đúng sự phân chia đất tại "Tờ tương phân đất" ngày 13/07/2008. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp phúc thẩm mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 25/07/2022 và lần thứ hai vào ngày 25/08/2022 nhưng phải hoãn phiên tòa do không có mặt đầy đủ các đương sự tham gia tố tụng.

Tòa án cấp phúc thẩm mở phiên tòa lần thứ ba vào ngày hôm nay (12/01/2023). Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N (cũng là người kháng cáo); bị đơn là ông Nguyễn Văn H và ông Lâm Minh D có mặt; các đương sự khác vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2]Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1]Về mối quan hệ gia đình của ông Lâm Văn Đắng:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn H và ông Lâm Minh D, thì có căn cứ xác định về mối quan hệ gia đình của ông Lâm Văn Đắng như sau:

-Ông Lâm Văn Đắng (đã chết) có những người con như sau: ông Lâm Văn Nguyên (đã chết, là cha của ông Nguyễn Văn N); bà Lâm Thị Phê (là mẹ của ông Nguyễn Văn H và ông Lâm Minh D); ông Lâm Văn Phơi (có một người con tên là Nguyễn Thị Ngọc Hà, ở quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh); bà Lâm Thị Xử (có 08 người con, hiện nay còn 03 người); bà Lâm Thị Tờ (bà Bảy Tờ); bà Lâm Thị Coi (đã chết, không có chồng, con); ông Lâm Văn Xếp (đã chết, không có vợ, con).

[2.2]Về nguồn gốc phần đất tranh chấp:

Trong vụ án này, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn H và ông Lâm Minh D tranh chấp với nhau về quyền sử dụng các thửa đất số 165; 172; 173 và 232 có tổng diện tích là 3.169 m^2, tọa lạc tại ấp Nh H 2, xã Đ H T, huyện Đ H, tỉnh Long An.

Về mặt pháp lý, các thửa đất nói trên, hiện nay vẫn do ông Nguyễn Văn N đứng tên là chủ sử dụng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L482565 ngày 04/02/1998 do Ủy ban nhân dân huyện Đ H cấp.

Mặc dù vậy, các bên đương sự đều thừa nhận rằng về nguồn gốc, các thửa đất nói trên là tài sản của ông Lâm Văn Đắng để lại; sự tranh chấp phát sinh là do mỗi bên đương sự cho rằng bên mình đã được ông Lâm Văn Đắng cho (đối với bên ông Nguyễn Văn N) hoặc được phân chia dựa trên "Tờ tương phân đất" ngày 13/07/2008 do gia tộc lập (đối với bên ông Nguyễn Văn H và ông Lâm Minh D).

[2.3]Về đánh giá chứng cứ và cách giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm:

[2.3.1]Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, công nhận quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn H đối với thửa đất 232 (diện tích 332,4 m^2) và một phần của thửa đất 172 (diện tích 812,4 m^2) (số thứ tự 6 và 7); công nhận quyền sử dụng của ông Lâm Minh D đối với một phần thửa đất 173 (diện tích 370,7 m^2) và một phần thửa đất 172 (diện tích 791,1 m^2) (số thứ tự 4 và 5) theo mảnh trích đo địa chính số 641-2019 do công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Đ H duyệt ngày 12/11/2019.

[2.3.2]Việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm dựa trên chứng cứ và sự kiện pháp lý sau đây:

-Bà Lâm Thị Phê là người trực tiếp sử dụng các thửa đất tranh chấp, ít nhất là từ năm 1968 cho đến khi bà Lâm Thị Phê chết vào năm 1995. Vì vậy, đây là di sản của bà Lâm Thị Phê, chuyển dịch hợp pháp cho hai người con là ông Nguyễn Văn H, ông Lâm Minh D;

-Sự chuyển dịch quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H và ông Lâm Minh D dựa trên "Tờ tương phân đất" do gia tộc lập vào ngày 13/07/2008.

[2.4]Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm có căn cứ cho rằng việc đánh giá chứng cứ và xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa bảo đảm đúng pháp luật; lý do như sau:

[2.4.1]Về nguồn gốc, các thửa đất số 165; 172; 173 và 232 tọa lạc tại ấp Nh H 2, xã Đ H T, huyện Đ H, tỉnh Long An là tài sản của ông Lâm Văn Đắng để lại.

Ông Lâm Văn Đắng có (ít nhất) 07 người con như sau: ông Lâm Văn Nguyên (là cha của ông Nguyễn Văn N); bà Lâm Thị Phê (là mẹ của ông Nguyễn Văn H và ông Lâm Minh D); ông Lâm Văn Phơi; bà Lâm Thị Xử; bà Lâm Thị Tờ (bà Bảy Tờ); bà Lâm Thị Coi; ông Lâm Văn Xếp.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng quyền sử dụng các thửa đất số 165; 172; 173 và 232 tọa lạc tại ấp Nh H 2, xã Đ H T, huyện Đ H, tỉnh Long An đã chuyển dịch cho bà Lâm Thị Phê, nhưng không có bằng chứng về sự kiện này; không có bằng chứng cho thấy rằng sau ngày 30/04/1975, bà Lâm Thị Phê là người kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và cũng không có bằng chứng về việc những người thừa kế hợp pháp của ông Lâm Văn Đắng đồng ý nhường lại quyền sử dụng đất cho bà Lâm Thị Phê; sự kiện bà Lâm Thị Phê trực tiếp quản lý, sử dụng đất (theo Tòa án cấp sơ thẩm, là từ năm 1968 cho đến năm 1995), không là bằng chứng để chứng minh rằng quyền sử dụng đất, thuộc di sản của ông Lâm Văn Đắng, đã chuyển dịch hợp pháp cho bà Lâm Thị Phê.

[2.4.2]Chứng cứ "Tờ tương phân đất" lập vào ngày 13/07/2008 không thể là bằng chứng để chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Nguyễn Văn H và ông Lâm Minh D, bởi vì văn bản này, không ghi nhận đầy đủ ý kiến của những người thuộc vào hàng thừa kế hợp pháp di sản của ông Lâm Văn Đắng, theo sự liệt kê nói ở phần trên; văn bản này chỉ có những người sau đây tham gia:

-Bà Lâm Thị Tờ (Bảy Tờ, là một trong những người con của ông Lâm Văn Đắng); bà Nguyễn Thị Ngọc Hà (là người con của ông Lâm Văn Phơi); ông Nguyễn Văn N; ông Lâm Minh Vương (Dương); ông Nguyễn Văn H.

[2.5]Để giải quyết vụ án nói trên đúng pháp luật, bảo đảm quyền lợi của đương sự liên quan, Tòa án cấp sơ thẩm cần thiết thu thập tài liệu, chứng cứ về những vấn đề sau đây:

[2.5.1]Thu thập tài liệu, chứng cứ về việc kê khai, đăng ký và quá trình quản lý, sử dụng thực tế các thửa đất số 165; 172; 173 và 232 tọa lạc tại ấp Nh H 2, xã Đ H T, huyện Đ H, tỉnh Long An trong thời gian vừa qua, quan trọng nhất là khoảng thời gian kể từ ngày 30/04/1975 cho đến nay, để có căn cứ xác định người sử dụng đất hợp pháp.

[2.5.2]Thu thập tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến của tất cả những người thuộc vào hàng thừa kế hợp pháp của ông Lâm Văn Đắng về quyền sử dụng các thửa đất số 165; 172; 173 và 232 tọa lạc tại ấp Nh H 2, xã Đ H T, huyện Đ H, tỉnh Long An, để có căn cứ giải quyết vụ án đúng pháp luật, bởi vì các thửa đất vừa nêu, có nguồn gốc là tài sản của ông Lâm Văn Đắng để lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 270; Điều 293; Điều 308; Điều 313 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về Án phí, Lệ phí Tòa án;

1/Hủy bản án Dân sự sơ thẩm 03/2021/DS-ST ngày 29/04/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2/Về án phí phúc thẩm: đương sự không phải chịu. Trả lại cho ông Nguyễn Văn N số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0003135 ngày 10/05/2021 của Cục Thi hành Dân sự tỉnh Long An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tối cao;
-VKSND cấp cao tại TP.HCM;
-Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
-VKSND tỉnh Long An;
-Cục THADS tỉnh Long An;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng